TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25 /2021/TCDS-ST
Ngày 05-03-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Nguyễn Văn Hóa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐ-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị B, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Nguyễn Quất, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định;

Người làm chứng: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 1, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(vắng mặt: bà B; chị M, bà Vân)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị B trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ gia đình anh em họ bà Vũ Thị B có cho chị Phạm Thị M vay nợ số tiền 20.000.000đ để lấy vốn làm ăn buôn bán cám chăn nuôi. Khi vay tiền của bà B, chị M viết giấy biên nhận viết tay ghi ngày 16/10/2018 xác nhận việc vay nợ đưa cho bà B giữ bản chính và ký nhận họ tên người vay tiền. Thỏa thuận thời hạn trả nợ là 10 ngày. Tuy nhiên, từ khi cho vay đến nay chị M mới nhờ

mẹ đẻ là bà Vân trả được cho bà B số tiền nợ gốc là 10.000.000đ hiện nay vẫn còn nợ số 10.000.000đ chưa trả cho bà B. Do đó, bà B đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị M phải thanh toán trả nợ cho bà B số tiền vay gốc là 10.000.000đ và bà không yêu cầu tính lãi nữa.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị Phạm Thị M các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà Vân mẹ đẻ chị M nhận thay và thông báo cho Tòa án biết chị M đã biết việc bà B khởi kiện đòi nợ đối với chị M. Như vậy, chị M đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến nay vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà B.

Người làm chứng bà Phạm Thị Vân là mẹ đẻ chị M đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị M cho biết, bà Vân cho biết chị M đã được biết các văn bản khởi kiện của bà B và công nhận bà B có cho chị M vay tiền như trong đơn khởi kiện của bà B là đúng. Hiện nay chị M đi làm ăn xa và hoàn cảnh khó khăn nên chư có tiền trả nợ cho bà B hết được, chị M xin khất nợ bà B và xin trả dần cho bà B, và vì công việc bận nên chị M con gái bà không đến Tòa án làm việc được, nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà B xin vắng mặt, chị M vắng mặt lần hai có ý kiến thông qua bà Vân xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử Nhẫn định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, bị đơn chị Phạm Thị M vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị M là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của người làm chứng thì thấy: Hợp đồng vay tài sản số tiền gốc 20.000.000đ giữa bà Vũ Thị B và chị Phạm Thị M là hợp đồng có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa bà B và chị M được chứng minh bằng giấy vay tiền, quá trình khởi kiện bà B nộp cho Tòa án làm căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, bà B công nhận chị M có nhờ mẹ đẻ là bà Vân trả hộ 10.000.000đ và đến nay yêu cầu Tòa án buộc chị M phải trả cho bà B số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị M theo quy định của pháp luật bà Vân nhận thay và cho biết đã thông báo cho chị M biết và chị M công nhận còn nợ của bà B số tiền 10.000.000đ là đúng. Tuy niên, đến nay chị M không có ý kiến phản hồi về nội dung cũng như

yêu cầu khởi kiện của bà B bằng bản tự khai, để Tòa án xem xét. Điều này chứng tỏ chị M mặc nhiên đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà B và công nhận việc vay nợ là sự việc. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị B là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất: Bà B không yêu cầu chị M phải trả bất cứ khoản gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì vậy, cần buộc chị Phạm Thị M phải trả cho bà Vũ Thị B số tiền nợ gốc 10.000.000đ là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 440, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị B kiện đòi nợ đối với chị Phạm Thị M là hợp pháp.

2. Buộc chị Phạm Thị M phải thanh toán trả nợ cho bà Vũ Thị B số tiền nợ gốc 10.000.000đ.

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Buộc chị Phạm Thị M phải nộp 500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ tại biên lai số AA/2017/0002393 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhẫn:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng